



Flashcardo.com

Dúfame, že tieto tlačiteľné kartičky budú pre vás užitočné. Ak chcete nájsť ešte viac produktov s kartičkami, navštívte našu webovú stránku www.flashcardo.com/sk. Na Flashcardo.com poskytujeme online kartičky, kartičky so systémom opakovaného učenia, video kartičky a mnoho ďalšieho. Všetko zadarmo a pripravené na použitie pre študentov z celého sveta.

Autorské práva, licenčné poznámky

Tento PDF súbor je chránený autorským právom a všetky práva sú vyhradené. Tento PDF môžete voľne zdieľať s kýmkoľvek. Avšak nie je dovolené predávať tento PDF alebo jeho obsah. Ak máte akékoľvek otázky, navštívte www.flashcardo.com/sk a kontaktujte nás. Ďakujeme!

Zrieknutie sa zodpovednosti

TENTO PDF SÚBOR JE POSKYTOVANÝ „TAK, AKO JE“, BEZ ZÁRUKY AKEJKOL'VEK FORMY, VÝSLOVNEJ ALEBO PREDPOKLADANEJ, VRÁTANE, ALE NIE IBA, ZÁRUK PREDAJNOSTI, VHODNOSTI NA KONKRÉTNY ÚČEL A NEPORUŠENIA PRÁV. AUTORI ANI DRŽITELIA AUTORSKÝCH PRÁV V ŽIADNOM PRÍPADE NENESÚ ZODPOVEDNOSŤ ZA ŽIADNE NÁROKY, ŠKODY ALEBO INÉ ZODPOVEDNOSTI, ČI UŽ V RÁMCI ZMLUVY, DELIKTU ALEBO INAK, VYPLÝVAJÚCE Z TOHTO PDF SÚBORU, JEHO POUŽÍVANIA ALEBO INÝCH SÚVISIACICH ČINNOSTÍ.

Autorské práva © 2025 Flashcardo.com. Všetky práva vyhradené

Základy

tôi

ja

bạn
đại từ

ty

anh ấy

on

cô ấy

ona

nó

ono

chúng tôi / chúng ta

my

các bạn

vy

họ

oni / ony

cái gì

čo

ai

kto

ở đâu

kde

tại sao

prečo

làm sao

ako

cái nào

ktorý

lúc nào

kedy

sau đó

potom

nếu

ak

thật sự

naozaj

nhưng

ale

bởi vì

pretože

không

nie

này

toto

đó
vật

to

tất cả

všetko

hoặc

và

đây

alebo

a

tu

đó
địa điểm

trái

phải

tam

vľavo

vpravo

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

teraz

popoludnie

dopoludnia

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

noc

ráno

večer

buổi trưa

nửa đêm

giờ

poludnie

polnoc

hodina

phút

giây

ngày

minúta

sekunda

deň

tuần

tháng

năm

týždeň

mesiac

rok

hôm qua

hôm nay

ngày mai

včera

dnes

zajtra

thứ hai
ngày

pondelok

thứ ba
ngày

utorok

thứ tư
ngày

streda

thứ năm

štvrtok

thứ sáu

piatok

thứ bảy

sobota

chủ nhật

nedeľa

đàn bà

žena

đàn ông

muž

tình yêu

láska

bạn trai

priateľ

bạn gái

priateľka

bạn
danh từ

kamarát

hôn
danh từ

bozk

tình dục

sex

trẻ em

dieťa

con gái
đại cương

dievča

con trai
đại cương

chlapec

mẹ

mama

ba

tato

má
mẹ

matka

cha

otec

cha mẹ

rodičia

con trai
gia đình

syn

con gái
gia đình

dcéra

em gái

mladšia sestra

em trai

mladší brat

chị gái

staršia sestra

anh trai

starší brat

chồng

manžel

vợ

manželka

mỗi / mọi

každý

luôn luôn

vždy

thực ra

vlastne

lần nữa

znova

đã

už

ít hơn

menej

phần lớn

najviac

nhiều hơn

viac

không có

nikto

rất

veľmi

ở ngoài

vonku

ở trong

vnútri

xa

d'aleko

gần

blízko

bên dưới

pod

bên trên

nad

bên cạnh

vedľa

phía trước

phía sau

mọi người

vpredn

vzadu

všetci

cùng nhau

khác

mùa xuân

spolu

iný

jar

mùa hè

mùa thu

mùa đông

leto

jeseň

zima

tháng một

tháng hai

tháng ba

január

február

marec

tháng tư

apríl

tháng năm

máj

tháng sáu

jún

tháng bảy

júl

tháng tám

august

tháng chín

september

tháng mười

október

tháng mười một

november

tháng mười hai

december

bắc

sever

đông

východ

nam

juh

tây

thường xuyên

ngay lập tức

západ

často

okamžite

đột ngột

mặc dù

odrazu

hoci

Čísla

không

0

một

1

hai

2

ba

3

bốn

4

năm

5

sáu

6

bảy

7

tám

8

chín

9

mười

10

mười một

11

mười hai

12

mười ba

13

mười bốn

14

mười năm

15

mười sáu

16

mười bảy

17

mười tám

18

mười chín

19

hai mươi

20

hai mươi mốt

21

hai mươi hai

22

hai mươi sáu

26

ba mươi

30

ba mươi mốt

31

ba mươi ba

33

ba mươi bảy

37

bốn mươi

40

bốn mươi mốt

41

bốn mươi bốn

44

bốn mươi tám

48

năm mươi

50

năm mươi mốt

51

năm mươi lăm

55

năm mươi chín

59

sáu mươi

60

sáu mươi mốt

61

sáu mươi hai

62

sáu mươi sáu

66

bảy mươi

70

bảy mươi mốt

71

bảy mươi ba

73

bảy mươi bảy

77

tám mươi

80

tám mươi mốt

81

tám mươi bốn

84

tám mươi tám

88

chín mươi

90

chín mươi mốt

91

chín mươi lăm

95

chín mươi chín

99

một trăm

100

một trăm linh một

101

một trăm linh năm

105

một trăm mười

110

một trăm năm mươi mốt

151

hai trăm

200

hai trăm linh hai

202

hai trăm linh sáu

206

hai trăm hai mươi

220

hai trăm sáu mươi hai

262

ba trăm

300

ba trăm linh ba

303

ba trăm linh bảy

307

ba trăm ba mươi

330

ba trăm bảy mươi ba

373

bốn trăm

400

bốn trăm linh bốn

404

bốn trăm linh tám

408

bốn trăm bốn mươi

440

bốn trăm tám mươi bốn

484

năm trăm

500

năm trăm linh năm

505

năm trăm linh chín

509

năm trăm năm mươi

550

năm trăm chín mươi lăm

595

sáu trăm

600

sáu trăm linh một

601

sáu trăm linh sáu

606

sáu trăm mười sáu

616

sáu trăm sáu mươi

660

bảy trăm

700

bảy trăm linh hai

702

bảy trăm linh bảy

707

bảy trăm hai mươi bảy

727

bảy trăm bảy mươi

770

tám trăm

800

tám trăm linh ba

803

tám trăm linh tám

808

tám trăm ba mươi tám

838

tám trăm tám mươi

880

chín trăm

900

chín trăm linh bốn

904

chín trăm linh chín

909

chín trăm bốn mươi chín

949

chín trăm chín mươi

990

một nghìn

1000

một nghìn không trăm linh
một

1001

một nghìn không trăm mười
hai

1012

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

1234

hai nghìn

2000

hai nghìn không trăm linh hai

2002

hai nghìn không trăm hai
mười ba

2023

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

2345

ba nghìn

3000

ba nghìn không trăm linh ba

3003

bốn nghìn

4000

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

4045

năm nghìn

5000

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

5678

sáu nghìn

6000

bảy nghìn

7000

bảy nghìn tám trăm chín
mười

7890

tám nghìn

8000

tám nghìn chín trăm linh một

8901

chín nghìn

9000

chín nghìn không trăm chín
mười

9090

mười nghìn

10.000

mười nghìn không trăm linh
một

10.001

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

20.020

ba mươi nghìn ba trăm

30.300

bốn mươi bốn nghìn

44.000

một trăm nghìn

100.000

năm trăm nghìn

500.000

một triệu

1.000.000

sáu triệu

6.000.000

mười triệu

10.000.000

bảy mươi triệu

70.000.000

một trăm triệu

100.000.000

tám trăm triệu

800.000.000

một tỷ

1.000.000.000

chín tỷ

9.000.000.000

mười tỷ

10.000.000.000

hai mươi tỷ

20.000.000.000

một trăm tỷ

100.000.000.000

ba trăm tỷ

300.000.000.000

một nghìn tỷ

1.000.000.000.000

Slovesá

biết

vedieť

nghĩ

myslieť

đến

prísť

đặt

položiť

lấy

vziať

tìm

nájsť

nghe

počúvať

làm việc

pracovať

nói chuyện

rozprávať

cho

dať

thích

mať rád

giúp đỡ

pomôcť

yêu

milovať

gọi

volať

chờ đợi

čakať

đứng

stáť

ngồi

sediť

đóng

zatvoriť

mở
cửa

otvoriť

thua

prehrať

thắng

vyhrať

chết

zomrieť

sống
động từ

žiť

bật

zapnúť

tắt

vypnúť

giết

zabiť

làm bị thương

zraniť

chạm

dotknúť sa

xem

sledovať

uống

piť

ăn

jesť

đi bộ

chodiť

gặp

stretnúť

đặt cược

staviť

hôn
động từ

pobozkať

đi theo

nasledovať

cưới

oženit sa

trả lời

odpovedať

hỏi

opýtať sa

kéo

ťahať

đẩy

potlačiť

ấn

stlačiť

đánh

udrieť

bắt

chytiť

chiến đấu

bojovať

ném

hádzať

chạy
động từ

bežať

đọc

čítať

viết

písať

sửa chữa

opraviť

đếm

počítať

cắt

strihať

bán

predať

mua

kúpiť

trả

zaplatiť

học

študovať

mơ

snívať

ngủ

spať

chơi

hrať

ăn mừng

slávať

thưởng thức

užívať si

dọn dẹp

upratať

bắn

strielať

bảo vệ

brániť

tấn công

zaútočiť

trộm

kradnúť

đốt

horieť

cứu

zachrániť

bay

letieť

khắc nhớ

pľuvať

đá
động từ

kopnúť

cẩn

uhryznúť

thở

dýchať

ngủ

cítiť

khóc

plakať

hát

spievať

cười mỉm

usmievať sa

cười

smiať sa

lớn lên

rásť

co lại

scvrknúť sa

tranh luận

hádať sa

chia sẻ

zdieľať

cho ăn

kŕmiť

trốn

skryť

cảnh báo

varovať

bơi

plávať

nhảy

skákať

nâng

zdvihnúť

đào

kopať

giao hàng

doručiť

tìm kiếm

hľadať

luyện tập

precvičovať

đi du lịch

cestovať

vẽ

maľovať

mở
khóa

otvoriť

khóa

zamknúť

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

umyt'

modlit'sa

varit'

nôn

la hét

trích dẫn

vracať

křičať

citovať

in

tính toán

kiếm tiền

tlačit'

počítat'

zarábati'

Prídavné mená

mới

nový

cũ

starý

ít

málo

nhiều

veľa

sai

nesprávny

chính xác

správny

xấu

zlý

tốt

dobrý

hạnh phúc

šťastný

ngắn

krátky

dài

dlhý

nhỏ

malý

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

velký

krásny

mladý

già

màu trắng

màu đen

starý

biely

čierny

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

červený

modrý

zelený

màu vàng

chậm

nhanh

žltý

pomalý

rychlý

vui vẻ

smiešny

không công bằng

nespravodlivý

công bằng

spravodlivý

khó

náročný

dễ

jednoduchý

giàu

bohatý

nghèo

chudobný

khỏe

silný

yếu

slabý

an toàn

bezpečný

mệt mỏi

unavený

tự hào

hrdý

no bụng

sýty

bệnh

chorý

khỏe mạnh

zdravý

tức giận

nahnevaný

thấp
đại cương

nízky

cao
đại cương

vysoký

ngọt

sladký

chua

kyslý

mềm

mäkký

cứng

tvrdý

đáng yêu

roztomilý

ngu ngốc

hlúpy

điên khùng

šialený

bận rộn

zanepřázdněný

cao
người

vysoký

thấp
người

malý

lo lắng

ustarostený

ngạc nhiên

prekvapěný

cư xử tốt

dobře vychovaný

ác độc

zlý

khéo léo

múdry

lạnh

chladný

nóng

horúci

màu cam

oranžový

màu xám

šedý

màu nâu

hnedý

màu hồng

ružový

nhàm chán

nudný

nặng

těžký

nhẹ

lehký

cô đơn

osamelý

đói bụng

hladný

khát nước

smádný

buồn

smutný

dốc

strmý

bằng phẳng

plochý

hẹp

rộng

sâu

úzký

široký

hlboký

nông

lớn
rất

bẩn

plytký

obrovský

špinavý

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

čistý

plný

prázdný

đắt

rẻ

quyến rũ

drahý

lacný

sexy

lười biếng

lenivý

dũng cảm

statočný

hào phóng

štedrý

ướt

mokrý

khô

suchý

ồn ào

hlasný

yên tĩnh

pokojný

nắng

slnecný

nhiều mưa

daždivý

sương mù
tính từ

hmlistý

nhiều mây

oblačný

Šport

thể dục dụng cụ

gymnastika

quần vợt

tenis

chạy
danh từ

beh

đạp xe

cyklistika

đánh golf

golf

bóng đá

futbal

bóng rổ

basketbal

bơi lội

plávanie

lặn

potápanie

đi bộ đường dài

turistika

chạy marathon

maratón

ba môn phối hợp

triatlon

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

stolný tenis

vzpieranie

box

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

badminton

krasokorčuľovanie

snoubording

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

lyžovanie

bežecké lyžovanie

ľadový hokej

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

volejbal

hádzaná

plážový volejbal

bóng rugby

ragby

bóng gậy

kriket

bóng chày

bejzbal

bóng bầu dục Mỹ

americký fotbal

bóng nước

vodné pólo

nhảy cầu

skoky do vody

lướt sóng

surfovanie

đua thuyền buồm

plachtenie

chèo thuyền

veslovanie

yoga

jóga

khiêu vũ

tanec

nhảy dù

parašutizmus

cờ vua

đánh bài poker

bowling

šach

poker

kolky

múa ba lê

balet

Zvieratá

con lợn

prasa

con bò

krava

con ngựa

kôň

con chó

pes

con cừu

ovca

con khỉ

opica

con mèo

mačka

con gấu

medved'

con gà

kura

con vịt

kačica

con bướm

motýl'

con ong

včela

con cá

ryba

con nhện

pavúk

con rắn

had

con hổ

tiger

con chuột

myš

con thỏ

zajac

con sư tử

lev

con lừa

somár

con voi

slon

con chim bồ câu

holub

con bọ

chrobák

con muỗi

komár

con ruồi

mucha

con kiến

mravec

con cá voi

veřryba

con cá mập

žralok

con cá heo

delfín

con ốc sên

slimák

con ếch

žaba

con gấu trúc

panda

con gấu Bắc cực

l'adový medved'

con chó sói

vlk

con gấu túi

koala

con chuột túi

klokan

con hươu cao cổ

žirafa

con cáo

líška

con hà mã

hroch

con dơi

netopier

con quạ

havran

con thiên nga

labuť

con chim hải âu

čajka

con cú

sova

con chim cánh cụt

tučniak

con vẹt

papagáj

con sâu bướm

húsenica

con chuồn chuồn

vážka

con mực ống

kalmár

con bạch tuộc

chobotnica

con cá ngựa

morský koník

con hải cẩu

tuleň

con sứa

medúza

con cua

krab

con khủng long

dinosaurius

con rùa cạn

korytnačka

con cá sấu

krokodíl

Krajiny

Châu Âu

Európa

Châu Á

Ázia

Châu Mỹ

Amerika

Châu Phi

Afrika

Vương quốc Anh

Spojené kráľovstvo

Tây Ban Nha

Španielsko

Thụy sĩ

Švajčiarsko

Ý

Taliansko

Pháp

Francúzsko

Đức

Nemecko

Thái Lan

Thajsko

Singapore

Singapur

Nga

Nhật Bản

Israel

Rusko

Japonsko

Izrael

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

India

Čína

Spojené štáty americké

Mexico

Canada

Chile

Mexiko

Kanada

Čile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Brazília

Argentína

Južná Afrika

Nigeria

Nigéria

Ma Rốc

Maroko

Libya

Líbya

Kenya

Keňa

Algeria

Alžírsko

Ai Cập

Egypt

New Zealand

Nový Zéland

Úc

Austrália

Telo

đầu

hlava

mũi

nos

tóc

vlas

miệng

ústa

tai

ucho

mắt

oko

bàn tay

ruka

bàn chân

noha

tim

srdce

não

mozog

cổ

krk

mông

zadok

vai

rameno

đầu gối

koleno

chân

noha

tay

paža

bụng

brucho

ngực

prsník

lưng

chrbát

răng

zub

lưỡi

jazyk

môi

pera

ngón tay

prst

ngón chân

prst na nohe

dạ dày

žalúdok

phổi

pľúca

gan

pečeň

dây thần kinh

nerv

thận

oblička

ruột

črevo

trán

čelo

cằm

brada

má
cơ thể

líce

râu

fúzy

ngón cái

palec

ngón tay út

malíček

ngón tay đeo nhẫn

prstenník

ngón tay giữa

prostredník

ngón tay trỏ

ukazovák

móng tay

necht

gót chân

päta

xương sống

chrbtica

cơ bắp

sval

xương
cơ thể

kosť

bộ xương

kostra

xương sườn

rebro

đốt sống

stavec

bàng quang

močový mechúr

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

žila

tepna

vagina

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

spermia

penis

semenník

Dom

cửa

dvere

nhà bếp

kuchyňa

phòng tắm

kúpeľňa

phòng khách

obývačka

phòng ngủ

spálňa

vườn

záhrada

gara

garáž

tường

stena

tầng hầm

suterén

nhà vệ sinh
nhà ở

toaleta

cầu thang

schody

mái nhà

strecha

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

okno

nôž

hrnček

ly

đĩa

cốc

pohár

tanier

šálka

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

odpadkový kôš

miska

pracovný stôl

giường

gương

vòi hoa sen

postel'

zrkadlo

sprcha

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

pohovka

obraz

hodiny

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

stôl

stolička

sused

thang máy

ban công

gác xép

výtah

balkón

podkrovie

ống khói

muỗng gỗ

đũa

komín

varecha

palička

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

príbor

lyžica

vidlička

cái vá

nồi

chảo

naberačka

hrniec

panvica

bóng đèn

giá sách

rèm

žiarovka

knižnica

záclona

nệm

gối

chăn

matrac

vankúš

deka

kệ

polica

ngăn kéo

šuplík

tủ quần áo

šatník

xô

vedro

chổi

metla

cái cân

váha

giỏ đựng đồ giặt

kôš na bielizeň

bồn tắm

vaňa

khăn tắm
to lớn

osuška

xà phòng

mydlo

giấy vệ sinh

toaletný papier

khăn tắm
nhỏ bé

uterák

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

umývadlo

rebrík

poštová schránka

hàng rào

plot

Jedlo

trúng

vajíčko

phô mai

syr

sữa

mlieko

cá

ryba

thịt

mäso

xương
món ăn

kosť

dầu

olej

bánh mì

chlieb

đường
món ăn

cukor

sô cô la

čokoláda

kẹo

sladkosť

bánh bông lan

koláč

nước

cà phê

trà

voda

káva

čaj

bia

rượu nho

sa lát

pivo

víno

šalát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

polievka

dezert

raňajky

bữa trưa

bữa tối

pizza

obed

večera

pizza

kem

zmrzlina

bơ

maslo

sữa chua

jogurt

cá ngừ

tuniak

cá hồi

losos

giăm bông

šunka

thịt ba rọi

slanina

xúc xích

klobása

thịt gà tây

morčacie

thịt gà

kuracie

thịt bò

hovädzie

thịt heo

bravčové

thịt cừu

jahňacie

bí ngô

tekvica

nấm

huba

nấm cựa

hľuzovka

tỏi

cesnak

tỏi tây

pór

gừng

zázvor

cà tím

baklažán

khoai lang

sladký zemiak

cà rốt

mrkva

dưa chuột

uhorka

ớt

čili paprička

ớt chuông

paprika

củ hành

cibuľa

khoai tây

zemiak

bông cải trắng

karfiol

bắp cải

kapusta

bông cải xanh

brokolica

xà lách

hlávkový šalát

rau chân vịt

špenát

tre

bambus

ngô

kukurica

cần tây

zeler

đậu Hà Lan

hrášok

hạt đậu

fazuľa

quả lê

hruška

quả táo

jablko

quả ô liu

oliva

quả sung

figa

quả chà là

datľa

quả dừa

kokos

quả hạnh nhân

mandľa

hạt phỉ

lieskový oriešok

đậu phộng

arašid

quả chuối

banán

quả xoài

mango

quả kiwi

kivi

quả bơ

avokádo

quả dứa

ananás

dưa hấu

dyňa

quả nho

hrozno

dưa gang

žltý melón

quả mâm xôi

malina

quả việt quất

čučoriedka

quả dâu tây

jahoda

quả anh đào

čerešňa

quả mận

slivka

quả mơ

marhuľa

quả đào

broskyňa

quả chanh

citrón

quả bưởi

grep

quả cam

pomaranč

cà chua

paradajka

bạc hà

mäta

sả

citrónová tráva

quế

škorica

vani

vanilka

muối

soľ

tiêu

čierne korenje

cà ri

kari

thuốc lá
thực vật

tabak

đậu hũ

tofu

giấm

ocot

mì sợi

rezanec

sữa đậu nành

sójové mlieko

bột mì

múka

gạo

ryža

yến mạch

ovos

lúa mì

pšenica

đậu nành

sója

hạt

orech

mật ong

med

mút

kẹo cao su

bánh kẹp

džem

žuvačka

lievanec

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

sušienka

puding

mafin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

šiška

energetický nápoj

pomarančový džús

nước táo

sữa lắc

coca cola

jablkový džús

mliečny koktail

kola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

horúca čokoláda

koktail

rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

whisky

vodka

jedálny lístok

hải sản

mì Ý

sushi

morské plody

špagety

suši

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

pukance

čipsy

kuracie krídelká

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

hranolky

horčica

majonéza

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

paradajková omáčka

sendvič

párok v rožku

bánh burger

burger

Škola

sách

kniha

thư viện

knižnica

bài tập về nhà

domáca úloha

bài thi

skúška

bài học

hodina

khoa học

veda

lịch sử

dejepis

nghệ thuật

umenie

cây bút

pero

bút chì

ceruzka

thứ nhất

prvý

thứ hai

2

druhý

thứ ba
3

tretí

thứ tư
4

štvrtý

ngiên cứu

výskum

bằng cấp

stupeň

sân thể thao

športové ihrisko

từ điển

slovník

học kì

semester

sổ tay

zošit

hình học

geometria

chính trị học

politika

triết học

filozofia

kinh tế học

ekonomika

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

telesná výchova

biológia

matematika

địa lý

văn học

hóa học

zemepis

literatúra

chémia

vật lý

cải thước

cục tẩy

fyzika

pravítko

guma

cái kéo

băng dính

keo dán

nožnice

lepiaca páska

lepidlo

bút bi

guľôčkové pero

kẹp giấy

kancelárske sponky

ba phần trăm

3%

một trăm phần trăm

100%

không phần trăm

0%

mét khối

meter kubický

mét vuông

meter štvorcový

dặm

míľa

mét

meter

mi-li-mét

millimeter

xen-ti-mét

centimeter

đề-xi-mét

decimeter

phép cộng

sčítanie

phép trừ

odčítanie

phép nhân

násobenie

phép chia

delenie

diện tích

plocha

thể tích

objem

hình chữ nhật

obdĺžnik

hình vuông

štvorec

tam giác

trojuholník

hình tròn

kruh

lít

liter

mililit

mililiter

tấn

kilôgam

gram

tona

kilogram

gram

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

magnet

mikroskop

lievik

phòng thí nghiệm

bài giảng

laboratórium

prednáška

Príroda

tro

popol

lửa

ohň

kim cương

diamant

mặt trăng

Mesiac

mặt trời

Slnko

ngôi sao

hviezda

hành tinh

planéta

bờ biển
biển

pobrežie

hồ

jazero

rừng

les

sa mạc

púšť

đồi núi

kopec

đá
danh từ

skala

con sông

rieka

thung lũng

údolie

núi

hora

đảo

ostrov

đại dương

oceán

biển

more

băng

l'ad

tuyết

sneh

bão táp

búrka

mưa

dážď

gió

vietor

cây

strom

cỏ

tráva

hoa hồng

ruža

hoa

kvetina

kim loại

kov

đất

pôda

dung nham

láva

than

uhlie

cát

piesok

đất sét

hlina

tên lửa

raketa

vệ tinh

satelit

thiên hà

galaxia

tiểu hành tinh

asteroid

lục địa

kontinent

đường Xích đạo

rovník

Nam cực

južný pól

Bắc cực

severný pól

sưởi

potok

rừng nhiệt đới

dažďový prales

hang

jaskyňa

thác nước

vodopád

bờ biển
con sông

breh

sông băng

l'adovec

động đất

zemetrasenie

miệng núi lửa

kráter

núi lửa

sopka

khí quyển

atmosféra

lũ lụt

povodeň

sương mù
danh từ

hmla

cầu vồng

dúha

tiếng sấm

hrom

tia chớp

blesk

cơn dông

búrka

nhệt độ

teplota

bão nhiệt đới

tajfún

bão

mây

cành cây

hurikán

mrak

vetva

lá cây

rễ cây

thân cây

list

koreň

kmeň

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

semienko

plast

oxid uhličity

nguyên tử

sắt

ôxy

atóm

železo

kyslík

vàng

zlato

bạc

striebro

Doprava

xe hơi

auto

xe buýt

autobus

xe lửa

vlak

ga xe lửa

vlaková stanica

trạm dừng xe buýt

autobusová zastávka

máy bay

lietadlo

tàu

lod'

xe tải

nákladné auto

xe đạp

bicykel

xe mô tô

motocykel

xe taxi

taxík

đèn giao thông

semafor

bãi đậu xe

parkovisko

đường
xe hơi

cesta

ắc quy

batéria

động cơ
xe hơi

motor

túi khí

airbag

vô-lăng

volant

dây an toàn

bezpečnostný pás

lốp xe

pneumatika

cốp sau

zadný kufor

máy bán vé

automat na lístky

phòng bán vé

pokladňa

tàu điện ngầm

metro

tàu cao tốc

vysokorýchlostný vlak

đầu máy

lokomotíva

xe điện

električka

xe buýt trường học

školský autobus

xe buýt nhỏ

mikrobus

sân bay

letisko

hãng hàng không

aerolína

máy bay trực thăng

helikoptéra

hạng nhất

prvá trieda

hạng phổ thông

ekonomická trieda

hạng thương gia

biznis trieda

áo phao

záchranná vesta

công ten nơ

kontajner

tàu ngầm

ponorka

tàu du lịch

výletná loď

tàu chở hàng

kontajnerová loď

du thuyền

jachta

phà

trajekt

hải cảng

prístav

xuồng cứu sinh

záchranný čln

ra đa

radar

đèn đường

pouličné osvetlenie

vĩa hè

chodník

trạm xăng

čerpacia stanica

công trường

stavensisko

vạch qua đường

prechod pre chodcov

tắc đường

dopravná zápcha

đường cao tốc

diaľnica

xe tăng

tank

máy xúc

bager

máy kéo

traktor

rơ-moóc

príves

xe tay ga

skúter

xe cáp treo

lanovka

Mesto

bệnh viện

nemocnica

trường học

škola

nhà ở

dom

hóa đơn

účť

chợ

trh

siêu thị

supermarket

căn hộ

byt

trường đại học

univerzita

nông trại

farma

nhà thờ

kostol

nhà hàng

reštaurácia

quán bar

bar

phòng thể dục

telocvična

công viên

park

nhà vệ sinh
đại cương

toaleta

bản đồ

mapa

xe cứu thương

sanitka

cảnh sát
đại cương

polícia

lính cứu hỏa
đại cương

požiarnik

quốc gia

krajina

ngoại ô

predmestie

ngôi làng

dedina

bảo hành

záruka

trung tâm mua sắm

obchodný dom

tiệm thuốc

lekárěň

tòa nhà chọc trời

mrakodrap

lâu đài

hrad

đại sứ quán

ambasáda

giáo đường Do Thái

synagóga

ngôi đền

chrám

nhà máy

továreň

nhà thờ Hồi giáo

mešita

tòa thị chính

radnica

bưu điện

pošta

đài phun nước

fontána

câu lạc bộ đêm

nočný klub

băng ghế

lavička

sân golf

golfové ihrisko

sân bóng đá

futbalový štadión

hồ bơi
tòa nhà

plaváreň

sân quần vợt

tenisový kurt

thông tin du lịch

informačné centrum

sòng bạc

kasíno

phòng triển lãm nghệ thuật

galéria

bảo tàng

múzeum

công viên quốc gia

národný park

quà lưu niệm

suvenir

thủy cung

akvárium

trượt nước

tobogan

tàu lượn siêu tốc

horská dráha

công viên nước

akvapark

vườn bách thú

zoo

sân chơi

ihrisko

cửa thoát hiểm
tòa nhà

núdzový východ

chuông báo cháy

požiarny hlásič

bình cứu hỏa

hasiaci prístroj

đồn cảnh sát

policajná stanica

tiểu bang

štát

khu vực

región

thủ đô

hlavné mesto

Nemocnica

tai nạn

nehoda

bệnh nhân

pacient

phẫu thuật

chirurgia

viên thuốc

pilulka

sốt

horúčka

ho

kašeľ

phòng cấp cứu

pohotovosť

khoa hồi sức tích cực

jednotka intenzívnej
starostlivosti

phòng chờ

čakáreň

thuốc aspirin

aspirín

thuốc ngủ

prášky na spanie

ngày hết hạn

dátum spotreby

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

dávkovanie

sirup proti kašľu

vedľajší účinok

insulin

bột

viên nhộng

inzulín

prášok

kapsula

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

vitamín

liek proti bolesti

antibiotiká

vi khuẩn

vi rút

đau tim

baktéria

vírus

infarkt

tiêu chảy

hnačka

tiểu đường

cukrovka

đột quỵ

mŕtvica

hen suyễn

astma

ung thư

rakovina

cúm

chrípka

đau răng

bolest zubov

cháy nắng

úpal

viêm họng

bolest hrdla

đau bụng

bolest brucha

nhiễm trùng

infekcia

dị ứng

alergia

chuột rút

křč

đau đầu

boleř hlavy

ống tiêm

striekačka

nặng

barla

chụp X quang

röntgen

máy siêu âm

ultrazvuk

bó bột
nhỏ bé

náplast

xe lăn

invalidný vozík

bó bột
gãy xương

sadra

mạch

pulz

chấn thương

zranenie

cấp cứu

núdzový prípad

chấn động

vết bỏng

gãy xương

otras mozgu

popálenina

zlomenina

thuốc tránh thai

thử thai

antikoncepcia

tehotenský test

Povolania

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

doktor

zdravotná sestra

policajt

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

prezident

kapitán

detektív

phi công

giáo sư

giáo viên

pilot

profesor

učitel'

luật sư

thư ký

trợ lý

právník

sekretárka

asistent

thẩm phán

sudca

quản lý

manažér

đầu bếp

kuchár

tài xế taxi

taxikár

tài xế xe buýt

autobusár

người mẫu

modelka

nghệ sĩ

umelec

thủ tướng

premiér

dược sĩ

lekárník

lính cứu hỏa
người

hasič

nha sĩ

zubár

doanh nhân

podnikatel'

chính trị gia

politík

lập trình viên

programátor

tiếp viên hàng không

letuška

nhà khoa học

vedec

giáo viên mầm non

učiteľka v škôlke

kiến trúc sư

architekt

kế toán viên

účtovník

tư vấn viên

konzultant

công tố viên

prokurátor

tổng quản lý

generálny riaditeľ

vệ sĩ

bodygard

chủ nhà

hostinský

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

číšník

ochranka

voják

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

rybář

upratovač

inštalatér

thợ điện

nông dân

lễ tân

elektrikár

poľnohospodár

recepčný

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

poštár

pokladník

kaderník

tác giả

autor

nhà báo

novinár

nhiếp ảnh gia

fotograf

nhân viên cứu hộ

plavčík

ca sĩ

spevák

nhạc sĩ

hudobník

diễn viên

herec

phóng viên

reportér

huấn luyện viên

tréner

trọng tài

rozhodca

Podnikanie

tiền

peniaze

văn phòng

kancelária

áp lực

stres

bảo hiểm

poistenie

nhân viên
công ty

personál

bộ phận

oddelenie

lương

plat

địa chỉ

adresa

lá thư

list

số điện thoại

telefónne číslo

url

url

địa chỉ email

emailová adresa

trang mạng

webová stránka

thư điện tử

email

chữ ký

podpis

thua lỗ

strata

lợi nhuận

zisk

khách hàng

zákazník

số tiền

časťka

thẻ tín dụng

kreditná karta

mật khẩu

heslo

máy rút tiền

bankomat

thuế

daň

phòng họp

zasadacia miestnosť

danh thiếp

vizitka

công nghệ thông tin

IT

nhân sự

ľudské zdroje

bộ phận pháp lý

právne oddelenie

kế toán

účtovníctvo

tiếp thị

marketing

bán hàng

predaj

đồng nghiệp

kolega

người sử dụng lao động

zamestnávateľ

nhân viên
người

zamestnanec

chú thích

poznámka

thuyết trình

prezentácia

bìa cứng

fascikel

con dấu cao su

pečiatka

máy chiếu

projektor

bưu kiện

balíček

con tem

známka

phong bì

obálka

trình duyệt

prehliadač

đầu tư

investícia

sàn giao dịch chứng khoán

burza cenných papierov

tiền giấy

bankovka

tiền xu

minca

tiền lãi

úrok

khoản vay

pôžička

số tài khoản

číslo účtu

tài khoản ngân hàng

bankový účet

Zariadenia

điện thoại

telefon

bộ tivi

televízor

máy ảnh

fotoaparát

đài radio

rádio

quạt

ventilátor

máy điều hòa

klimatizácia

máy pha cà phê

kávovar

máy nướng bánh mì

hriankovač

máy hút bụi

vysávač

máy sấy tóc

fén

ấm đun nước

kanvica

máy rửa chén

umývačka riadu

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

sporák

rúra

mikrovlnka

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

chladnička

práčka

ovládač

tai nghe

chuột

bàn phím

slúchadlo

myš

klávesnica

ổ cứng

thanh USB

máy quét

pevný disk

USB klúč

skener

máy in

tlačiareň

màn hình

obrazovka

máy tính xách tay

laptop

rô bốt

robot

loa

reproduktor

